

XEM VẬN MỆNH THEO BÁT TỰ - TỬ BÌNH

Thân chào Quý Anh Nguyễn Hồng Phúc, Chúng tôi xin gửi đến Quý Anh Nguyễn Hồng Phúc lá số Tử Trạ này và luận giải cùng Quý Anh những vấn đề mà Quý Anh đang quan tâm, Quý Anh hãy kiểm tra lại thông tin cá nhân 1 lần nữa, để chắc không bị nhầm lẫn, vì nhầm lẫn thông tin thì kết quả sẽ sai.

Xin lưu ý về phần lời giải: trong một số ít đoạn bình giải chúng tôi lập chung cho cả nam và nữ, do đó nếu người xem là phái nữ mà có lời giải là '*lấy được vợ đẹp*' thì phải hiểu ngược lại là '*chồng đẹp*' và đối với người nam cũng vậy. Do đó Quý Anh đừng nghĩ là lời giải bị sai mà không an tâm.

THÔNG TIN CÁ NHÂN	
Họ Tên	Nguyễn Hồng Phúc
Ngày Sinh Dương	Thứ Tư, Ngày 5 Tháng 3 Năm 1980
Ngày Sinh Âm	Ngày Đinh Sửu, Tháng Mậu Dần, Năm Canh Thân (19/1/1980)
Tử Vi	Năm Canh Thân, Tháng Mậu Dần, Ngày Đinh Sửu, Giờ Giáp Thìn
Bát tự	Năm Canh Thân, Tháng Kỷ Mão, Ngày Đinh Sửu, Giờ Giáp Thìn
Giờ Sinh	Thìn (7:00)
Giới Tính	Nam
Tuổi	Canh Thân (45 tuổi)

Phái nam: Nguyễn Hồng Phúc Năm Canh Thân, Tháng Kỷ Mão, Ngày Đinh Sửu, Giờ Giáp Thìn

Trụ Năm	Trụ Tháng	Trụ Ngày	Trụ Giờ
Tài	Thực	Nhật / Thực	Ấn
Canh Thân	Kỷ Mão	Đinh Sửu	Giáp Thìn
Canh Nhâm Mậu	Ất	Kỷ Tân Quý	Mậu Quý Ất
Tài Quan Thương	Kiều	Thực Tài Sát	Thương Sát Kiêu
Mộc dục	Bệnh	Mộ	Suy
Nguyệt đức	-	Văn-xương	Quốc-ấn
Kim dục	-	Tú QN	Dức QN
Không-vong	-	Âm dương-lệch	Hoa-cái
Đại vận	Đại vận	Đại vận	Đại vận
Tài	Tài	Quan	Sát
Canh Thìn	Tân Tỵ	Nhâm Ngọ	Quý Mùi
Mậu Quý Ất	Bính Canh Mậu	Đinh Kỷ	Kỷ Ất Đinh
Thương Sát Kiêu	Kiếp Tài Thương	Tỉ Thực	Thực Kiêu Tỉ
Đại vận	Đại vận	Đại vận	Đại vận
Ấn	Kiều	Kiếp	Tỉ
Giáp Thân	Ất Dậu	Bính Tuất	Đinh Hợi
Canh Nhâm Mậu	Tân	Mậu Đinh Tân	Nhâm Giáp
Tài Quan Thương	Tài	Thương Tỉ Tài	Quan Ấn

Dụng thần: Giáp, Canh

Cung mệnh: cung tuất

Vòng Trường Sinh:

Tí	Sửu	Dần	Mão	Thìn	Tỵ	Ngọ	Mùi	Thân	Dậu	Tuất	Hợi
Tử	Mộ	Tuyệt	Thai	Dương	Trường sinh	Mộc dục	Quan đới	Lâm quan	Đế vượng	Suy	Bệnh

All rights reserved by www.XemTuong.net

Trụ năm bị năm Bính Dần thiên khắc địa xung.

Trụ tháng bị năm Ất Dậu thiên khắc địa xung.

Trụ ngày bị năm Quý Mùi thiên khắc địa xung.

Trụ giờ bị năm Canh Tuất thiên khắc địa xung.

Thai nguyên: Canh Ngọ.

Thai tức: Nhâm Tí.

1- Canh Thân	2- Tân Dậu	3- Nhâm Tuất	4- Quý Hợi	5- Giáp Tý	6- Ất Sửu
7- Bính Dần	8- Đinh Mão	9- Mậu Thìn	10- Kỷ Tỵ	11- Canh Ngọ	12- Tân Mùi
13- Nhâm Thân	14- Quý Dậu	15- Giáp Tuất	16- Ất Hợi	17- Bính Tý	18- Đinh Sửu
19- Mậu Dần	20- Kỷ Mão	21- Canh Thìn	22- Tân Tỵ	23- Nhâm Ngọ	24- Quý Mùi
25- Giáp Thân	26- Ất Dậu	27- Bính Tuất	28- Đinh Hợi	29- Mậu Tý	30- Kỷ Sửu
31- Canh Dần	32- Tân Mão	33- Nhâm Thìn	34- Quý Tỵ	35- Giáp Ngọ	36- Ất Mùi
37- Bính Thân	38- Đinh Dậu	39- Mậu Tuất	40- Kỷ Hợi	41- Canh Tý	42- Tân Sửu
43- Nhâm Dần	44- Quý Mão	45- Giáp Thìn	46- Ất Tỵ	47- Bính Ngọ	48- Đinh Mùi
49- Mậu Thân	50- Kỷ Dậu	51- Canh Tuất	52- Tân Hợi	53- Nhâm Tý	54- Quý Sửu
55- Giáp Dần	56- Ất Mão	57- Bính Thìn	58- Đinh Tỵ	59- Mậu Ngọ	60- Kỷ Mùi
61- Canh Thân	62- Tân Dậu	63- Nhâm Tuất	64- Quý Hợi	65- Giáp Tý	66- Ất Sửu
67- Bính Dần	68- Đinh Mão	69- Mậu Thìn	70- Kỷ Tỵ	71- Canh Ngọ	72- Tân Mùi
73- Nhâm Thân	74- Quý Dậu	75- Giáp Tuất	76- Ất Hợi	77- Bính Tý	78- Đinh Sửu
79- Mậu Dần	80- Kỷ Mão	81- Canh Thìn	82- Tân Tỵ	83- Nhâm Ngọ	84- Quý Mùi

Tháng chi là ngũ hành sinh ngày can (ấn): Ngày chủ vượng.

Trụ năm có chính tài (tài) ông bà bố mẹ giàu có nếu tháng trụ lại có chính quan thì gia đình phú quý. Trường hợp năm tháng đều có chính quan thì nam thừa kế hai nhà hoặc lấy hai vợ.

Trụ tháng có Thực thần (Thực) thì gọi là thiên trù nếu tọa kiến lộc là thiên trù lộc. Nếu có ngày chủ vượng thì phát đại phúc. Trường hợp tháng thực thần có chi chính quan (quan) hoặc giờ chính quan thì đại phát đạt, nên làm giới chính trị hoặc công chức sẽ phát triển. Trường hợp tháng chi có thực thần tọa vượng địa thì thân thể béo và có tính nhân hòa. Nói chung là tháng trụ có thực thần là được ân đức của bố mẹ.

Trụ ngày có thực thần (thực) thì bạn đời béo khỏe tính cách ôn hòa được trợ giúp cuộc sống bình an, ổn định. Nếu tứ trụ có thiên ấn ((kiêu) mà không có thiên tài (tài) thì sự nghiệp làm ăn có đầu không đuôi, giữa đường tắc trở.

Trụ giờ có chính ấn (ấn) thì con cái thông minh nhân từ. Nếu can chi đều chính ấn thì thích mưu sự, không lo kể sinh nhai. Trường hợp tháng can có chính quan sinh ấn, giờ có chính ấn thì khi gặp năm vận quan ấn thì hiển vinh phát đạt. Nếu mệnh tọa vượng địa thì được con cái hạnh phúc có hiếu.

Nguyệt đức quý nhân nếu có cả Thiên đức quý nhân thành mệnh mang Thiên Nguyệt Đức quý nhân: gặp hung hóa cát không gặp hình xung khắc phá đã tốt lại thêm tốt.

Văn xương (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 128) "Văn xương nhập mệnh chủ về thông minh hơn người, gặp hung hóa cát. Tác dụng của nó tương tự như Thiên đức, Nguyệt đức, Thiên ấn quý nhân. Xem kỹ văn xương quý nhân ta thấy, cứ "thực thần" lâm quan là có văn xương quý nhân. Do đó mà gọi là văn xương tức thực thần kiến lộc. Người văn xương nhập mệnh thì khí chất thanh tao, văn chương cử thể. Nam gặp được nội tâm phong phú, nữ gặp được thi đoan trang, ham học ham hiểu biết, muốn vươn lên, cuộc đời lợi đường tiến chức, không giao thiệp với kẻ tầm thường. Trong thực tiễn, người có văn xương quý nhân sinh vượng, thường đỗ đạt các trường chuyên khoa, đại học, lợi về đường học hành thi cử."

Quốc ấn quý nhân (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 130) "Quốc ấn quý nhân trong dự đoán nói chung ít dùng, nhưng người trong tứ trụ có quốc ấn quý nhân và sinh vượng thì hầu hết làm chức to trong nhà nước hoặc nắm quyền quản lý ở cơ quan. Sao này cũng có thể tham khảo để các cơ quan dùng tuyển người giữ chức cao. Người tứ trụ có quốc ấn, chỉ về thành thực đáng tin, nghiêm túc thanh liêm, quy củ, hành sự theo lẽ công, vui vẻ với mọi người, lễ nghĩa nhân từ, khí chất hiên ngang. Nếu ấn gặp sinh vượng và có cát tinh tương trợ, không gặp xung, phá, khắc, hại thì không những có thể đứng đầu cơ quan mà còn có khả năng tốt."

Đức quý nhân (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 132): Có đức quý nhân là tháng đó đức sinh vượng. Đức quý nhân là thần giải hung âm dương; Người trong mệnh có đức quý nhân mà không bị xung phá, khắc áp thì tính thông minh, ôn hòa trung hậu, nếu gặp học đường quý nhân thì có tài quan, cao sang, nếu bị xung khắc thì bị giảm yếu. Tóm lại đức quý nhân cũng là một loại quý nhân, nó có thể biến hung thành cát. Trong mệnh có nó là người thành thật, tinh thần sáng sủa, nghĩa hiệp thanh cao, tài hoa xuất chúng.

Tú quý nhân (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 132): Có tú quý nhân là hòa hợp với tứ khí ngũ hành trong trời đất biến hóa mà thành. Tú quý nhân là khí thanh tú của trời đất, là thần vượng bốn mùa; Người trong mệnh có tú quý nhân mà không bị xung phá, khắc áp thì tính thông minh, ôn hòa trung hậu, nếu gặp học đường quý nhân thì có tài quan, cao sang, nếu bị xung khắc thì bị giảm yếu. Tóm lại tú quý nhân cũng là một loại quý nhân, nó có thể biến hung thành cát. Trong mệnh có nó là người thành thật, tinh thần sáng

sửa, nghĩa hiệp thanh cao, tài hoa xuất chúng.

Hoa cái chủ về nghệ thuật, tôn giáo nhưng cô độc. Thông minh đầy đủ tài nghệ, tính cô độc, kỵ không vong hình xung phá. a: Hoa cái với sao ấn cùng chi (ấn là hỷ dụng thần) thì tài hoa. b: Gặp không vong hoặc hình xung phá hoại: phá hoại danh lợi hoặc làm tăng ni, làm vợ lẽ hoặc bồn tẩu giang hồ. c: Hoa cái ở trụ ngày tạo vận mộ: khắc vợ, ở trụ giờ khắc con. d: Hoa cái gặp chính ấn ở vận vượng: quan tước cao, quyền vị lớn.

Âm dương lệch (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 163): Nữ gặp phải là chị em dâu không toàn vẹn, hoặc bị nhà chồng từ chối. Nam gặp phải là bị nhà vợ từ chối, hoặc cãi cọ mâu thuẫn với nhà vợ. Gặp phải sát này, bất kể nam hay nữ, tháng, ngày, giờ có hai hay ba cái trùng nhau là rất nặng. Trụ ngày phạm phải là chủ về không được gia đình chồng (vợ) ủng hộ, dù có được nhờ thì vẫn là hư vô, thậm chí về sau còn oán lẫn nhau, không đi lại nữa. Âm dương lệch nhau thì rất xấu, là tiêu chí thông tin rõ nhất về hôn nhân không thuận, trong thực tế rất ứng nghiệm.

Phiên án cách: Trích sách Tử Bình Nhập Môn của Lâm Thế Đức trang 46. Cách cục thành công của cách là: 1. Nhật nguyên cường, Ấn yếu, có Quan, sát mạnh. 2. Nhật nguyên cường, Ấn cường, có Thương, Thực xích-khí (chiết đi) của Nhật nguyên. 3. Nhật nguyên cường, nhiều Ấn tinh, có Tài tinh lộ và mạnh. Trường hợp cách cục bị phá hoại khi gặp 1 trong những trường hợp sau: 1. Nhật nguyên yếu, Ấn cũng yếu, Tài tinh mạnh phá Ấn. 2. Nhật nguyên yếu, Sát quá mạnh, lại có Quan lẫn lộn. 3. Gặp phải Hình, Xung, Hại. Khi gặp những trường hợp sau thì thái quá (quá nhiều): 1. Ấn tinh mạnh, Nhật nguyên yếu, Tài yếu. 2. Ấn mạnh, Tỷ, Kiếp nhiều, Thực yếu, Thương yếu, Tài Quan cũng yếu. Khi gặp những trường hợp sau thì bất cập (thiếu thốn): 1. Tài tinh mạnh không có quan tinh. 2. Nhiều Tỷ, Kiếp. **VẬN HẠN:** 1. Nhật nguyên yếu, nhiều Thương, Thực nên lấy Ấn làm Dụng thần. Hạn có Ấn, Tỷ là hạn tốt. Gặp Tài, Quan là hạn xấu. 2. Nhật nguyên yếu, nhiều Thương, Thực nên lấy Ấn làm Dụng thần. Hạn gặp Ấn, Tỷ là vận tốt. Gặp Thương, Thực là vận xấu. 3. Nhật nguyên yếu, Tài tinh nhiều và mạnh, nên lấy Tỷ, Kiếp làm Dụng thần. Hạn có Tỷ, Kiếp là hạn tốt. Gặp Thương, Thực, Tài là vận xấu. 4. Nhật nguyên cường, Tỷ, Kiếp cũng mạnh, có Quan, Sát thì lấy Quan, Sát làm Dụng thần. Có Thương, Thực thì lấy Thương, Thực làm Dụng thần. Hạn gặp phải Quan, Sát, Thương, Thực là vận tốt. Gặp phải Tỷ, Kiếp hay Ấn là vận xấu. 5. Nhật nguyên mạnh Ấn mạnh nên lấy Tài làm Dụng thần. Hạn gặp Thương, Thực hay Tài là vận tốt. Gặp Quan, Ấn, Tỷ, Kiếp là vận xấu. 6. Nhật nguyên mạnh, Tài nhiều nên lấy Quan, Sát làm Dụng thần. Hạn gặp Quan, Sát là vận tốt. Gặp Thương, Thực, Tài là vận xấu.

Chi ngày sinh chi năm là vợ có hiếu với mẹ chồng hoặc quan hệ mẹ chồng nàng dâu tốt.

Trụ năm hoặc trụ tháng có tài là tổ nghiệp hưng thịnh.

Thực thần đóng ở ngày là vợ béo, mập còn mình thì gầy nhỏ.

Mộc dục chủ vì sắc đẹp mà gặp tai nạn, lao khổ, mê hoặc, thay đổi chỗ ở, duyên phận nửa đường chia lìa, không quyết định được việc gì. Trụ năm có Mộc dục, cha mẹ bỏ cổ hương, sống tha phương khổ cực, chính thân mình lúc già bị nghèo khổ, hoặc vợ mất sớm, hoặc vợ chồng ly biệt.

Bệnh chủ: Hư nhược, xa lánh họ hàng, lao khổ, tật bệnh. Trụ tháng có Bệnh, nửa đời người làm ăn thất bại, lo buồn bệnh tật.

Mộ chủ: xa gia đình, suy bại, duyên phận bạc bẽo, bần hàn, lo buồn, lao khổ. Trụ ngày có mộ, xa gia đình từ nhỏ, thay đổi chỗ ở luôn, bất hòa với cha mẹ, anh em, nghèo hèn. Lớn lên gần về già, làm ăn hơi tiến nhưng lòng lúc nào cũng lo buồn. Lấy vợ đến hai lần. Riêng nữ mệnh vợ chồng bất hòa. Nếu sinh ngày Đinh Sửu hoặc Nhâm Thìn, vợ chồng ly dị. Mộ là chỗ chôn cất chứa giấu đi, tử trụ có chi hình xung, với chi cột an mộ, Mộ sẽ dùng được. Trong trường hợp không có chi hình xung, gặp Tài là người keo bần, coi đồng tiền hơn cả tính mệnh, lúc nào cũng bo bo giữ lấy tiền, suốt đời là đầy tớ của tiền của, không dám ăn tiêu.

Suy chủ: ôn thuận, đạm bạc, yếu đuối, tinh thần bạc nhược, phá tài sản, tai ách, lỡ duyên, bất định. Trụ giờ có suy, con cái bất hiếu, khổ vì con.

Chính ấn (Ấn) ở ngôi con: là được vinh hiển nhờ con.

Cha có thực thần là sinh con trai.

Qua phần luận đoán vừa nói trên, chúng tôi hy vọng Quý Anh đã có được lời giải đáp cho vận mệnh của Quý Anh. Quý Anh có thể xem thêm phần [tử vi bình giải](#) để nắm rõ hơn các chi tiết khác về vận mệnh Quý Anh.

Xem Tử tướng chấm net chân thành chúc Quý Anh Nguyễn Hồng Phúc thật nhiều sức khỏe và vạn sự như ý.

Trân Trọng.

XemTuong.net